

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**  
\*\*\*\*\*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I - NĂM 2018**

**Gồm các biểu:**

- 1. Bảng cân đối kế toán**
- 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018 đ	01/01/2018 đ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>156.516.699.327</b>	<b>165.281.616.135</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.421.210.581</b>	<b>37.690.424.127</b>
1. Tiền	111	V.1	11.421.210.581	2.690.424.127
2. Các khoản tương đương tiền	112			35.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>132.996.051.953</b>	<b>112.659.280.315</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	103.489.375.003	87.370.976.380
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.746.676.950	22.252.292.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.760.000.000	3.036.011.935
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.5	<b>11.813.473.223</b>	<b>14.244.899.279</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.813.473.223	14.244.899.279
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>285.963.570</b>	<b>687.012.414</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	17.566.443	33.385.882
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		268.397.127	653.626.532
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>151.060.999.087</b>	<b>137.201.185.338</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0

MẪU SỐ B 01a - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.992.985.134</b>	<b>3.149.457.394</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.992.985.134	3.149.457.394
<i>Nguyên giá</i>	222		4.088.383.637	4.088.383.637
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.095.398.503)	(938.926.243)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
<i>Nguyên giá</i>	225		0	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		0	0
2. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
<i>Nguyên giá</i>	228		0	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		0	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		0	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>30.345.739.885</b>	<b>30.239.282.950</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8a	30.345.739.885	30.239.282.950
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>103.779.000.000</b>	<b>89.779.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8b	89.779.000.000	89.779.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.000.000.000	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.943.274.068</b>	<b>14.033.444.994</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.943.274.068	14.033.444.994
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>307.577.698.414</b>	<b>302.482.801.473</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đ	
			31/03/2018 đ	01/01/2018 đ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.029.683.155</b>	<b>22.419.271.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.178.658.763</b>	<b>19.568.247.172</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	15.854.181.803	11.641.976.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	3.466.632.765	3.156.529.401
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		101.110.000	398.961.132
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	2.533.007.131	2.512.587.750
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	1.059.037.794	1.412.050.392
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			0
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.164.689.270	446.141.946
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.851.024.392</b>	<b>2.851.024.392</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
1. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	2.851.024.392	2.851.024.392
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>280.548.015.259</b>	<b>280.063.529.909</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>280.548.015.259</b>	<b>280.063.529.909</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>260.000.000.000</i>	<i>260.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>0</i>	<i>0</i>

MẪU SỐ B 01a - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.361.378.540	924.283.892
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	<b>V.14</b>	18.186.636.719	19.139.246.017
<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		16.983.604.045	4.768.299.535
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.203.032.674	14.370.946.482
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>307.577.698.414</b>	<b>302.482.801.473</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Điện

Kế toán trưởng



Lê Thị Phương Thảo

T. Giám đốc



Trương Đình Chuẩn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý I năm 2018

Đơn vị tính: đ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	27.021.171.038	31.488.129.415	27.021.171.038	31.488.129.415
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.021.171.038	31.488.129.415	27.021.171.038	31.488.129.415
3. Giá vốn hàng bán	11	VL2	25.970.937.711	26.993.518.042	25.970.937.711	26.993.518.042
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.050.233.327	4.494.611.373	1.050.233.327	4.494.611.373
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	1.020.664.051	33.650	1.020.664.051	33.650
6. Chi phí hoạt động tài chính	22	VL4	142.467.972	12.554.035	142.467.972	12.554.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		142.467.972	12.554.035	142.467.972	12.554.035
7. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	0
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL5	396.543.368	455.721.912	396.543.368	455.721.912
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.531.886.038	4.026.369.076	1.531.886.038	4.026.369.076
10. Thu nhập khác	31	VL6		0		0
11. Chi phí khác	32	VL7	18.750.000	42.423.368	18.750.000	42.423.368
12. Lợi nhuận khác	40		(18.750.000)	(42.423.368)	(18.750.000)	(42.423.368)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.513.136.038	3.983.945.708	1.513.136.038	3.983.945.708
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	310.103.364	805.271.733	310.103.364	805.271.733
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.203.032.674	3.178.673.975	1.203.032.674	3.178.673.975
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	46,27	122,26	46,27	122,26
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL11	46,27	122,26	46,27	122,26

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Thị Diện

Lê Thị Phương Thảo

Trương Đình Chuẩn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Dạng đầy đủ)***(Theo phương pháp trực tiếp)****Quý I năm 2018***Đơn vị tính: đ*

TT	Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	12.285.133.000	4.603.400.000
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(20.565.693.382)	(8.483.375.869)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(818.444.261)	(446.489.197)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(142.467.972)	(12.554.035)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.862.768.500	5.466.840.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.496.268.500)	(157.850.405)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(11.874.972.615)</b>	<b>969.970.494</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(324.791.903)	(50.365.718)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.000.000.000)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	283.563.570	33.650
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.041.228.333)</b>	<b>(50.332.068)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	0	
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã	32	0	0
1.	Tiền thu từ đi vay	33		
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(353.012.598)	(73.230.498)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	0	0
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(353.012.598)</b>	<b>(73.230.498)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(26.269.213.546)</b>	<b>846.407.928</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>37.690.424.127</b>	<b>702.558.234</b>
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.421.210.581</b>	<b>1.548.966.162</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0105787835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 (năm) ngày 01/7/2016.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2016 là **260.000.000.000 đồng** (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong 3 tháng đầu năm 2018 là mua, bán các vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và các công trình khác; cho thuê văn phòng.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác  
Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Bán buôn đồ uống;



### 3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết: Bán buôn vali, túi, cặp, ví, thắt lưng, hàng du lịch, nước hoa, nước thơm, dầu thơm, mỹ phẩm, hàng gốm sứ, thủy tinh;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;

- Vận tải hành khách đường bộ khác

Chi tiết

- + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- + Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo

Chi tiết: Quảng cáo thương mại;

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;

### 3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;

- Khai thác gỗ;
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác  
Chi tiết: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá  
Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh lữ hành;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2018, Công ty có hai (02) Công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi	Thôn Mờ Đá, xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	Xây dựng khu sinh thái Kim Bôi	48,69%	48,69%	48,69%
Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ	Thôn Tân Phú Mỹ, Xã Vật Lại, Huyện Ba Vì, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm may mặc	48%	48%	48%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## **II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

## **III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

## **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các Công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

#### **Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC quy định hình thức hoạt động do một bên kiểm soát và có phương án chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của dự án.

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và báo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và báo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*”.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Từ 06 đến 10 năm

## 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ;...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng (trừ chi phí thuê mặt bằng).

## 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác,... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay phản ánh giá trị các khoản tiền đi vay và tình hình thanh toán các khoản tiền vay của Công ty (không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu). Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Căn cứ vào thời gian trả nợ kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo) hoặc là vay và nợ thuê tài chính dài hạn (có thời gian trả nợ hơn 12 tháng).

## 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

## 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc tăng, giảm vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị, hợp tác kinh doanh khác, lãi tỷ giá hối đoái,...).

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

#### **14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, dự phòng giảm giá đầu tư, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của công ty trong năm tài chính hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### **19. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

#### **19. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và nợ.

##### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

#### **21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** Đơn vị tính: VND

<b>1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>31/03/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
Tiền mặt tại quỹ	6.400.088.362	2.655.235.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn*	5.021.122.219	35.188.516
<b>Cộng</b>	<b>11.421.210.581</b>	<b>2.690.424.127</b>
<b>* Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>	<b>31/03/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
Tiền gửi NH No&PTNT CN Hà Tây	1.033.669	3.564.469
Tiền gửi NH ĐT&PTVN CN Hoà Bình	41.419	261.278
Tiền gửi NH TMCP đầu khí Toàn Cầu	1.103.688	1.232.764
Tiền gửi NH TMCP Á Châu - PGD Hà Đông	4.645.674	10.853.002
Tiền gửi NH TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	2.095.605	12.276.368
Tiền gửi NH thương mại cổ phần Bảo Việt - PGD Hà Đông	664.824	663.841
Tiền gửi NH TMCP Kiên Long - CN Hà Nội	994.811	1.008.833
Tiền gửi NH TMCP Quốc dân - CN Hà Nội PGD số 11	1.157.038	821.715
Tiền gửi NH TMCP Việt Á- PGD Phan Đình Phùng	1.180.637	1.000.028
Tiền gửi NH TMCP Quốc Tế	5.005.716.304	1.907.110
Tiền gửi NH thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín CN Nam Thăng Long	1.019.625	887.403
Tiền gửi NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	1.468.925	711.705
<b>Cộng</b>	<b>5.021.122.219</b>	<b>35.188.516</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

<b>2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>31/03/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	<b>103.489.375.003</b>		<b>87.370.976.380</b>	
Công ty xây dựng Trường Giang	22.869.082.674		23.144.232.193	
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng GDM	9.814.272.187		9.814.272.187	
Công ty cổ phần xe điện Việt	6.086.551.680			
Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Oanh	10.027.846.462			
Công ty cổ phần đầu tư Đại Phú Mỹ	13.537.950.000		13.274.700.000	
Công ty cổ phần Sana Việt Nam	4.259.853.000		4.303.853.000	
Công ty cổ phần tập đoàn BDS Hoàng Gia	1.961.969.000		2.001.969.000	
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh tài sản F89	7.775.950.000		7.775.950.000	
Công ty TNHH Thịnh Phát	7.755.900.000		7.656.000.000	
Hoàng Văn Phương	19.400.000.000		19.400.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>103.489.375.003</b>		<b>87.370.976.380</b>	
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
Công ty xây dựng Trường Giang	22.869.082.674		23.144.232.193	
Công ty cổ phần xe điện Việt	6.086.551.680			
Công ty cổ phần tập đoàn BDS Hoàng Gia	1.961.969.000		2.001.969.000	
Công ty cổ phần đầu tư Đại Phú Mỹ	13.537.950.000		13.274.700.000	
<b>Cộng</b>	<b>44.455.553.354</b>		<b>38.420.901.193</b>	

Chi tiết về các bên liên quan được thuyết minh cụ thể tại Mục VIII: Những thông tin khác, nêu tại trang 30, trang 31 của Báo cáo này.

**3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/03/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần HP House Việt Nam	175.266.450			

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Công ty TNHH Kiến Trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	200.000.000	
Công ty cổ phần chứng khoán Thủ Đô		100.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Mạnh Ngọc	63.910.500	32.292.000
Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	82.500.000	
Công ty cổ phần truyền thông Việt đồng hành cùng doanh nghiệp( TTV)	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	55.000.000	
Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp	50.000.000	
Nguyễn Thị Mai Hương(*)	22.000.000.000	22.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.746.676.950</b>	<b>22.252.292.000</b>

(\*) Là khoản trả trước cho bà Nguyễn Thị Mai Hương về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại Căn biệt thự ký hiệu A16\_NV6, lô đất 11 thuộc dự án khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Geleximco theo văn bản chuyển nhượng có số công chứng 01771.17 ngày 13 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai Hương, được văn phòng Công chứng Vạn Xuân xác nhận. Công ty đã thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mai Hương số tiền 22.000.000.000 VND và đang tiến hành các thủ tục với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng và du lịch Bào Sơn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất này. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2018 chủ đầu tư chưa hoàn thiện đầy đủ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ các lô đất thuộc khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Geleximco

**4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2018		1/1/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.760.000.000</b>		<b>3.036.011.935</b>	
- Ngân hàng TMCP Việt Á			31.500.000	
Các khoản phải thu khác(*)	3.360.000.000		4.511.935	
- Tạm ứng	<b>3.400.000.000</b>		<b>3.000.000.000</b>	
Ông Trương Đình Chuẩn	1.500.000.000		1.000.000.000	
Ông Nguyễn Cảnh Đình	1.900.000.000		2.000.000.000	

(\*) Khoản phải thu khác tại ngày 31/03/2018, là khoản chi của Chi nhánh công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Trường Giang tại Phú Thọ để phục vụ cho công việc đền bù giải phóng mặt bằng của dự án Ao Giời - Suối Tiên

**b) Dài hạn**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Tạm ứng	3.400.000.000	3.000.000.000
Ông Trương Đình Chuẩn	1.500.000.000	1.000.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	1.900.000.000	2.000.000.000

Chi tiết về các bên liên quan được thuyết minh cụ thể tại Mục VIII: Những thông tin khác, nêu tại trang 30, trang 31 của Báo cáo này.

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2018		1/1/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.454.290.723		2.679.178.339	
Hàng hóa	5.929.947.890		9.473.412.999	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.429.234.610		2.092.307.941	
<b>Cộng</b>	<b>11.813.473.223</b>	<b>-</b>	<b>14.244.899.279</b>	

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình

	31/03/2018	1/1/2018
- Dự án trang trại nuôi lợn theo hướng CN (Sào Báy)- hạng mục xây dựng(*)	1.520.266.395	1.520.266.395
- Công trình Lắp đặt và hoàn thiện nội thất căn hộ P3603 -3604 thuộc tòa nhà SME Hoàng Gia	152.901.349	
- Kè chống sạt lở dọc bờ sông Đà(*)	572.041.546	572.041.546
- Công trình nhà ở thấp tầng tại ô số NV01- Lô A7 ( 2 )	1.184.025.320	
	<b>3.429.234.610</b>	<b>2.092.351.042</b>

(\*) Các công trình này đã hoàn thành và đang chờ Chủ đầu tư nghiệm thu

(1), (2) Các công trình đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, còn dở dang

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2018	1/1/2018
a) Ngắn hạn	17.566.443	33.385.882
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng,	17.566.443	33.385.882
b) Dài hạn	13.943.274.068	14.033.444.994
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng(*)	13.943.274.068	14.033.444.994
<b>Cộng</b>	<b>13.960.840.511</b>	<b>14.066.830.876</b>

(\*) Công ty đang theo dõi chi phí thuê diện tích mặt bằng để làm văn phòng và cho thuê tại tòa nhà SME Hoàng Gia theo hợp đồng số 01-T5(S1.S3)/HDCTMB/SME-HG với Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia. Thời gian phân bổ tiền thuê mặt bằng từ tháng 7/2016 đến hết tháng 6/2058.

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
-----------	------------------------	------------------	--------------------------------	-----------

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Số dư đầu kỳ	4.088.383.637	4.088.383.637
Số tăng trong kỳ		
Mua trong kỳ		
Số giảm trong kỳ		
Thanh lý nhượng bán		0
Số dư cuối kỳ	4.088.383.637	4.088.383.637
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	938.926.243	938.926.243
Số tăng trong kỳ		
Khấu hao trong kỳ	156.472.260	156.472.260
Số giảm trong kỳ		
Thanh lý, nhượng bán		0
Giảm khác		
Số dư cuối kỳ	1.095.398.503	1.095.398.503
Giá trị còn lại		
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày đầu kỳ	3.149.457.394	3.149.457.394
Tại ngày cuối kỳ	2.992.985.134	2.992.985.134

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

## a) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2018	1/1/2018
Dự án trang trại nuôi lợn theo hướng CN(1)	29.184.064.019	29.114.526.439
Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời- Suối Tiên(2)	1.161.675.866	1.124.756.511
	<b>30.345.739.885</b>	<b>30.239.282.950</b>

(1) Công ty đang thực hiện dự án "Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp" theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000446 của UBND tỉnh Hòa Bình tại xóm Phương Viên, xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Theo Giấy chứng nhận đầu tư và các văn bản khác, dự kiến, Quý II/2018, dự án hoàn thành và đưa vào khai thác. Đến thời điểm hiện tại công ty vẫn đang thực hiện theo đúng tiến độ đã được chấp thuận

(2) Công ty đang thực hiện dự án "Ao Giời, Suối Tiên" theo Quyết định đầu tư số 2237/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ngày 29 tháng 08 năm 2017 tại Tiểu khu 48, xã Quân Khê, Huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

## b) Các khoản đầu tư tài

	31/03/2018		1/1/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	103.779.000.000	-	89.779.000.000	-
- Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi(1)	44.650.000.000		44.650.000.000	

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

- Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ(3)	45.129.000.000	45.129.000.000		
- Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia(2)	14.000.000.000			
- Đầu tư khác				
<b>Cộng</b>	<b>103.779.000.000</b>	<b>-</b>	<b>89.779.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Trong năm 2016, Công ty có đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi theo Nghị quyết số 18/06/TG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2016. Công ty cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi có vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng. Tổng vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 44.650.000.000 VND, tương ứng với 3.895.000 cổ phần, đạt 48,69% vốn điều lệ.

(2) Ngày 28/03/2018, theo quyết nghị số 02/2018/NQ-HDQT- TG, công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của ông Nguyễn Thành Trụ theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/03/2018. Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia có Vốn điều lệ là 363.000.000.000 đồng. Tổng vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia tại ngày 31/03/2018 là 14.000.000.000 đồng, tương ứng với 175.000 cổ phần, chiếm 4.82% vốn điều lệ công ty. Ngày 30/03/2018, Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng này cho ông Nguyễn Thành Trụ.

(3) Trong năm 2017, công ty có đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ. Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ có Vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Tổng vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ tại ngày 31/12/2017 là 45.129.000.000 đồng, tương ứng với 4.800.000 cổ phần, chiếm 48% vốn điều lệ.

9	PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2018		1/1/2018	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	15.854.181.803	13.590.745.184	11.641.976.551	11.641.976.551
	- Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi			3.528.360.000	3.528.360.000
	- Công ty TNHH MTV Nehia Hân	1.589.417.078	1.589.417.078	1.589.417.078	1.589.417.078
	- Công ty TNHH Đại Hùng	464.675.306	464.675.306	464.675.306	464.675.306
	- Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Thăng Long	821.102.000	821.102.000	821.102.000	821.102.000
	- Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	707.720.000	707.720.000	3.064.577.000	3.064.577.000
	- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Giang	10.007.830.800	10.007.830.800		
	- Các đối tượng khác	2.263.436.619		2.173.845.167	2.173.845.167
	<b>Cộng</b>	<b>15.854.181.803</b>	<b>13.590.745.184</b>	<b>11.641.976.551</b>	<b>11.641.976.551</b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

- Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	707.720.000	707.720.000	3.064.577.000	3.064.577.000
- Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi			3.528.360.000	3.528.360.000
<b>Cộng</b>	<b>707.720.000</b>	<b>707.720.000</b>	<b>6.592.937.000</b>	<b>6.592.937.000</b>

Chi tiết về các bên liên quan được thuyết minh cụ thể tại Mục VIII: Những thông tin khác, nêu tại trang 30, trang 31 của Báo cáo này.

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
- Thuế GTGT (*)	-	-	-	-
- Thuế TNDN	3.156.529.401	310.103.364		3.466.632.765
- Thuế TNCN		-		-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				-
<b>Cộng</b>	<b>3.156.529.401</b>	<b>315.103.364</b>	<b>5.000.000</b>	<b>3.466.632.765</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/03/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
- Bảo hiểm xã hội	14.186.552	
- Bảo hiểm y tế	3.299.733	
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.466.548	
- Kinh phí công đoàn	14.054.298	12.587.750
- Phải trả, phải nộp khác		
Phải trả ông Nguyễn Văn Sâm - Góp vốn dự án Ao Giời - Suối Tiên	400.000.000	400.000.000
Khoản Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình chuyển tiền hỗ trợ đầu tư Dự án	2.100.000.000	2.100.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
<b>Cộng</b>	<b>2.533.007.131</b>	<b>2.512.587.750</b>

**12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
a) Vay ngắn hạn	1.059.037.794	1.059.037.794	1.412.050.392	1.412.050.392
Vay ngân hàng(*)	1.059.037.794	1.059.037.794	1.412.050.392	1.412.050.392
Vay các đối tượng khác				-
b) Vay dài hạn	2.851.024.392	2.851.024.392	2.851.024.392	2.851.024.392

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

<b>Cộng</b>	<b>3.910.062.186</b>	<b>3.910.062.186</b>	<b>4.263.074.784</b>	<b>4.263.074.784</b>
-------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các cổ đông lớn sở hữu vốn góp trên 5%		
1 Nguyễn Cảnh Dinh	17.800.000.000	17.800.000.000
2 Lê Xuân Nghĩa	26.000.000.000	26.000.000.000
3 Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	50.000.000.000	50.000.000.000
4 Công ty cổ phần đầu tư NHP	43.000.000.000	43.000.000.000
5 312 cổ đông khác sở hữu	123.200.000.000	123.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn góp đầu kỳ	260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	260.000.000.000	260.000.000.000

**14 . Phân phối lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	19.139.246.017	6.442.725.373
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ này	1.203.032.674	3.178.673.975
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Phân phối các quỹ và chia cổ tức ,trong đó:		
- Chia cổ tức năm trước		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.437.094.648	924.283.892
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	718.547.324	462.141.946
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này:	<b>18.186.636.719</b>	<b>8.234.973.510</b>

**đ) Cổ phiếu**

	<u>31/03/2018</u>	<u>1/1/2018</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Lợi nhuận được chia cổ tức và PP các quỹ trong kỳ		
- Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

- Cổ phiếu ưu đãi

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

10.000

10.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân

26.000.000

-

**đ) Cổ tức**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

**CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

a) Giá trị tài sản thuê ngoài

- TSCD thuê ngoài

- Tài sản khác thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng

thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống

- Trên 1 năm đến 5 năm

- Trên 5 năm

b) Tài sản nhận giữ hộ

- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận uỷ thác:

+ Chứng loại

Nguồn kinh phí còn lại cuối năm

+ Giá trị

c) Ngoại tệ các loại

+ USD

+ EURO

+ YPJ

+ Số lượng

d) Vàng tiền tệ

+ Số lượng

+ Giá trị

đ) Nợ khó đòi đã xử lý

+....

Nguyên nhân đã xoá sổ kế toán nợ khó đòi:

e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

**VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh****1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
a) Doanh thu	27.021.171.038	31.488.129.415	27.021.171.038	31.488.129.415
- Doanh thu bán hàng hóa	26.964.771.038	26.136.222.142	26.964.771.038	26.136.222.142
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.400.000,0	123.000.000	56.400.000,0	123.000.000
- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng		5.228.907.273		5.228.907.273
<b>Cộng</b>	<b>27.021.171.038</b>	<b>31.488.129.415</b>	<b>27.021.171.038</b>	<b>31.488.129.415</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
- Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP (DT bán hàng hóa):	1.824.870.000		1.824.870.000	
- Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP(DT cung cấp dịch vụ)	45.000.000		45.000.000	
- Công ty xây dựng Trường Giang (DT hoạt động xây lắp)		4.371.277.273		4.371.277.273
Công ty cổ phần xe điện Việt ( DT bán hàng hóa)	5.533.228.800		5.533.228.800	
<b>Cộng</b>	<b>7.403.098.800</b>	<b>4.371.277.273</b>	<b>7.403.098.800</b>	<b>4.371.277.273</b>

Chi tiết về các bên liên quan được thuyết minh cụ thể tại Mục VIII: Những thông tin khác, nếu tại trang 30, trang 31 của Báo cáo này.

2	<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	- Giá vốn của hàng đã bán	25.942.970.259	25.960.206.157	25.942.970.259	25.960.206.157
	- Giá vốn cung cấp dịch vụ	27.967.452	72.246.597	27.967.452	72.246.597
	- Giá vốn của thành phẩm đã bán		961.065.288		961.065.288
	<b>Cộng</b>	<b>25.970.937.711</b>	<b>26.993.518.042</b>	<b>25.970.937.711</b>	<b>26.993.518.042</b>

3	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	Lãi tiền gửi	283.563.570	33.650	283.563.570	33.650
	Lãi chậm thanh toán	737.100.481		737.100.481	
	<b>Cộng</b>	<b>1.020.664.051</b>	<b>33.650</b>	<b>1.020.664.051</b>	<b>33.650</b>

4	<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	Chi phí lãi vay	142.467.972	12.554.035	142.467.972	12.554.035
	<b>Cộng</b>	<b>142.467.972</b>	<b>12.554.035</b>	<b>142.467.972</b>	<b>12.554.035</b>

5	<b>CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	- Chi phí nhân viên quản lý	164.945.622	272.845.289	164.945.622	272.845.289
	- Chi phí đồ dùng văn phòng	511.137	9.174.590	511.137	9.174.590

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

- Khấu hao tài sản cố định	108.843.228	42.039.213	108.843.228	42.039.213
- Thuế phí lệ phí	5.688.202	17.114.321	5.688.202	17.114.321
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.312.179	108.042.590	114.312.179	108.042.590
- Chi phí bằng tiền khác	2.243.000	6.505.909	2.243.000	6.505.909
<b>Cộng</b>	<b>396.543.368</b>	<b>455.721.912</b>	<b>396.543.368</b>	<b>455.721.912</b>
<b>6 THU NHẬP KHÁC</b>				
	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</u>
Các khoản khác				
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>7 CHI PHÍ KHÁC</b>				
	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</u>
	18.750.000	42.423.368	18.750.000	42.423.368
<b>Cộng</b>	<b>18.750.000</b>	<b>42.423.368</b>	<b>18.750.000</b>	<b>42.423.368</b>
<b>8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO</b>	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	656.020.577	164.475.660	656.020.577	164.475.660
- Chi phí nhân công	845.851.714	495.281.585	845.851.714	495.281.585
- Chi phí máy thi công		31.320.000		31.320.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.843.228	93.458.985	108.843.228	93.458.985
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.279.631	128.960.495	142.279.631	128.960.495
- Chi phí khác bằng tiền	8.442.339	32.794.820	8.442.339	32.794.820
	<b>1.761.437.489</b>	<b>946.291.545</b>	<b>1.761.437.489</b>	<b>946.291.545</b>
<b>9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.513.136.038	3.983.945.708	1.513.136.038	3.983.945.708
Các khoản điều chỉnh tăng LN kế toán trước thuế	37.380.783	42.412.954	37.380.783	42.412.954

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

+ Chi phí phạt chậm nộp BH		1.162.954		1.162.954
+ Phạt khác				
* + Khấu hao các tài sản cố định không được sử dụng	18.750.000	41.250.000	18.750.000	41.250.000
+ CP KHTSCĐ có nguyên giá vượt 1.6 tỷ	17.423.455		17.423.455	
+ Chi phí không được trừ (CP KHTSCĐ có nguyên giá vượt 1.6 tỷ)				
** + Kết quả kinh doanh tại chi nhánh	1.207.328		1.207.328	
Điều chỉnh giảm				
Lỗi lũy kế được chuyển sang từ những năm trước				
Tổng thu nhập tính thuế	<b>1.550.516.821</b>	<b>4.026.358.662</b>	<b>1.550.516.821</b>	<b>4.026.358.662</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>310.103.364</b>	<b>805.271.733</b>	<b>310.103.364</b>	<b>805.271.733</b>

**VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Khung quản lý rủi ro**

- Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

- Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

**Rủi ro tín dụng**

## CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### Ảnh hưởng của rủi ro

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH	31/03/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	5.021.122.219	35.188.516
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	103.779.000.000	89.779.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.249.375.003	90.402.476.380
<b>Cộng</b>	<b>219.049.497.222</b>	<b>180.216.664.896</b>

### Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

- Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

- Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

### Rủi ro ngoại tệ

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### Rủi ro lãi suất

Chi phí phải trả

### Rủi ro về giá khác

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Giá trị hợp lý

## 4 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

### 4.1 Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong Quý I năm 2018

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
- Trương Đình Chuẩn	Cổ đông, Tổng giám đốc	Tạm ứng mua bán vật tư	

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

-Nguyễn Cảnh Dinh	Cố đồng, Phó CT HĐQT	Tạm ứng tiền để chi phí đi đầu tư Dự án Ao Giời - Suối Tiên
- Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	Cố đồng góp vốn, Ông Lê Xuân Nghĩa là chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	Giao dịch mua bán hàng hóa, và cung cấp dịch vụ
- Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi	Là công ty liên kết từ ngày 21/06/2016, đồng thời ông Nguyễn Cảnh Dinh làm Chủ tịch HĐQT, đại diện theo pháp luật của công ty	Giao dịch mua bán hàng hóa
- Công ty cổ phần đầu tư Đại Phú Mỹ	Ông Nguyễn Cảnh Dinh là Tổng giám đốc	Giao dịch mua bán dự án đầu tư
Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia	Ông Nguyễn Cảnh Dinh là Chủ tịch Hội đồng quản trị	Giao dịch mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
- Công ty xây dựng Trường Giang	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga- vợ Ông Nguyễn Cảnh Dinh là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc công ty- Người đại diện pháp luật	Giao dịch mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
- Công ty cổ phần xe điện Việt	Ông Nguyễn Cảnh Dinh là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Khuất Thư Hương - thành viên Ban kiểm soát là Tổng giám đốc - Người đại diện pháp luật từ tháng 01 năm 2018.	Giao dịch mua bán hàng hóa

**4.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:**

Các bên liên quan	31/03/2018	Phát sinh trong kỳ		01/01/2018
		Tăng	Giảm	01/01/2017
<b>a. Nợ phải thu</b>	<b>31/03/2018</b>			
-Trương Đình Chuẩn	1.500.000.000	500.000.000		1.000.000.000
- Nguyễn Cảnh Dinh	1.900.000.000		100.000.000	2.000.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Đại Phú Mỹ	13.537.950.000	263.250.000		13.274.700.000
- Công ty cổ phần tập đoàn bất động sản Hoàng Gia	1.961.969.000		40.000.000	2.001.969.000
- Công ty cổ phần xe điện Việt	6.086.551.680	6.086.551.680		
- Công ty xây dựng Trường Giang	22.869.082.674	473.850.481	749.000.000	23.144.232.193



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Tầng 5, Toà nhà SME Hoàng Gia, Tô Hiệu, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

<b>b.Đầu tư vào công ty liên quan</b>	<b>31/03/2018</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>01/01/2018</b>
-Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi	44.650.000.000			44.650.000.000
-Công ty cổ phần tập đoàn bất động sản Hoàng Gia	14.000.000.000	14.000.000.000		
<b>c.Phải trả cho người bán</b>	<b>31/03/2018</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>01/01/2018</b>
-Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	707.720.000		2.356.857.000	3.064.577.000
-Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi	-	1.000.000.000	4.528.360.000	3.528.360.000

**5 Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm được lấy theo số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt(NTV). Số dư này được phân loại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, đảm bảo tính so sánh của Báo cáo

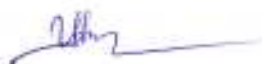
**6 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**7 Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Nguyễn Thị Diễm

Kế toán trưởng



Lê Thị Phương Thảo

Tổng giám đốc



Trương Đình Chuẩn